



gǔn zhóu

辊轴

noun · roller shaft

Example Sentence

Zhè tái jī qì shǐ yòng gǔn zhóu lái chuán sòng cái liào.
这台机器使用 辊轴来 传 送材料。

This machine uses a roller shaft to convey materials.

Trace each character, then write the word on your own.

辊	辊	辊	辊	辊	辊	辊	辊	辊	辊	辊
辊	辊	辊	辊							

轴	轴	轴	轴	轴	轴	轴	轴	轴	轴	轴
轴										
